

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-7-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thuỳ Linh và ông Hoàng Văn Trạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 03 năm 2024; về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

- Bị đơn: Anh Dương Văn H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bị đơn: Bà Phạm Thị T, Luật sư, thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện L. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Triệu Việt Q – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L; địa chỉ: Khu B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (Quyết định uỷ quyền số 123/QĐ-NHCS, ngày 19/10/2021 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L về việc uỷ quyền tham gia tố tụng và thi hành án); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 01/5/2024, các lời khai sau đó và quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, ngày 15/4/2013. Sau khi chung sống vợ chồng thì thường xuyên cãi chửi nhau và đánh nhau, nguyên nhân do là anh Dương Văn H thường xuyên uống rượu không tu trí làm ăn, đánh đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã cố gắng chịu đựng vì các con từ năm 2013 đến tháng 4/2023 thì anh Dương Văn H đánh chị và không cho chị về nhà nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn X, xã C, huyện H, tỉnh Bắc Giang để sinh sống cho đến nay. Sau khi chị bỏ về thì anh Dương Văn H không hỏi thăm, không liên lạc gì với nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh Dương Văn H, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn H.

Về con chung: Có 03 con chung là Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017; Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020; cả 03 con hiện nay đang sống cùng với chị từ tháng 4/2023 cho đến nay. Tại đơn khởi kiện, bản khai chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công ty thu thập khoảng 12.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bố mẹ đẻ của chị hỗ trợ chị nuôi dưỡng các con có chỗ ở ổn định và những lúc chị bận công việc. Tuy nhiên tại phiên tòa chị thay đổi ý kiến về con chung như sau: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cháu tên là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh Dương Văn H trực tiếp nuôi 01 con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 đến khi đủ 18 tuổi, chị chưa yêu cầu anh Dương Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ngô Thị T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Dương Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới cho theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, ngày 15/4/2013. Sau khi chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn về tài chính, do hai vợ chồng không có việc làm ổn định dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 12/2023 chị Ngô Thị T bỏ về Bắc Giang sinh sống cho đến nay. Từ khi chị Ngô Thị T bỏ về Bắc Giang sinh sống thì anh cũng không đến đón chị Ngô Thị T lần nào, do chị Ngô Thị T không nhất trí. Nay chị Ngô Thị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị Ngô Thị T vì không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung là Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017; Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020; cả 03 con chung đều sinh sống cùng chị Ngô Thị T từ tháng 12/2023 cho đến nay. Quá trình tiến hành tố tụng anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013 và cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 đến khi con đủ 18 tuổi; yêu cầu chị Ngô Thị T nuôi dưỡng cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị Ngô Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay đang làm gỗ và nhựa thông thu nhập không ổn định. Từ khi các con chung sống chung với chị Ngô Thị T thì anh không đi thăm con lần nào mà chỉ gọi điện thoại hỏi thăm các con. Theo như anh được biết thông qua việc gọi điện cho các con thì các con của anh vẫn được chị Ngô Thị T và mẹ chị Ngô Thị T chăm sóc tốt và đảm bảo, được đi học bình thường. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cháu tên là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh trực tiếp nuôi 01 con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 đến khi đủ 18 tuổi, chị chưa yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung thì anh cũng nhất trí; anh cũng chưa yêu cầu chị Ngô Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản chung: Anh Dương Văn H chưa yêu cầu xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Dương Văn H xác định nợ chung là 120.000.000 đồng tại Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh Lộc Bình, tuy nhiên số tiền vẫn trong hạn vay, anh đề nghị khi Ngân hàng yêu cầu trả nợ thì anh và chị Ngô Thị T mỗi người phải chịu trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ cả gốc và lãi theo quy định của Ngân hàng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng Luận cứ đề nghị như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, là hôn nhân được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn vợ chồng hay cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục sống chung sẽ không hạnh phúc, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý và môi trường sống, môi trường chăm sóc, giáo dục của các con nên anh Dương Văn H đồng ý ly hôn với chị Ngô Thị T. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Dương Văn H.

Về con chung: Xem xét điều kiện hoàn cảnh thực tế, quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con cái, nguyện vọng của các con; giao cho chị Ngô Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con; giao cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung.

Anh H là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn là đối tượng được miễn án phí, có đơn xin được miễn án

phí, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí cho bị đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội huyện L. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Triệu Việt Q – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L trình bày: Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện L. Người đại diện theo uỷ quyền ông Triệu Việt Q – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện L trình bày về dư nợ NHCSXH: Ngày 25/9/2020 hộ gia đình ông Dương Văn H được Phòng giao dịch NHCSXH huyện duyệt cho vay số tiền 20.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch và công trình vệ sinh chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với lãi suất trong hạn là 9%/năm (lãi suất quá hạn là 11,7%/năm), hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/9/2025. Đến ngày 14/3/2021 hộ gia đình ông Dương Văn H tiếp tục được Phòng giao dịch NHCSXH huyện duyệt cho vay số tiền 100.000.000 đồng để trồng 04 ha rừng thông trưng trình cho vay hộ nghèo với lãi suất trong hạn là 6.6%/năm (lãi suất quá hạn là 8,58%/năm), hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/3/2031. Tính đến ngày 26/6/2024 hai khoản vay nêu trên đang đứng tên người vay vốn là ông Dương Văn H với dư nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Nay Ngân hàng chính sách xã hội (NHCSXH) huyện L chưa có yêu cầu xem xét giải quyết các khoản vay trên vì chưa đến hạn trả nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2024 và đơn trình bày các cháu Dương Yên N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 đều có nguyện vọng được sống với chị Ngô Thị T.

Tại biên bản xác minh ngày 16/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang thể hiện: Hiện nay chị Ngô Thị T và 03 cháu là Dương Yên N, sinh ngày 27/9/2013, cháu Dương Thị Mỹ C, sinh năm 07/3/2017, cháu Dương Minh T, sinh năm 13/10/2020 đang sinh sống tại địa phương cùng nhà với mẹ đẻ (ở cùng nhưng ăn riêng) và em trai là anh Ngô Văn U, sinh hoạt, ăn uống riêng nên chỗ ở tương đối ổn định. Các con của chị Ngô Thị T từ khi về địa phương sinh sống thì vẫn được chị Ngô Thị T cho các cháu đi học đầy đủ. Hiện nay chị Ngô Thị T đang đi làm công ty, thu nhập bình quân bao nhiêu thì địa phương không nắm được, khi chị Ngô Thị T đi làm thì mẹ của chị Ngô Thị T hỗ trợ chăm sóc các con ở nhà. Chị Ngô Thị T vẫn có đủ thời gian và kinh tế để chăm sóc các con đầy đủ.

Tại đơn trình bày của ông Ngô Quang Đ là bố đẻ của chị Ngô Thị T: Hiện chị T và các cháu sống cùng ông bà tại Thôn X, xã C. Chị T đi làm công nhân, thu nhập 12 triệu/tháng đảm bảo cho cuộc sống của 4 mẹ con. Khi chị Ngô Thị T đi vắng thì ông bà vẫn hỗ trợ chị Ngô Thị T đưa đón các cháu đi học, chăm sóc các cháu. Các cháu đã sống ổn định với ông bà từ tháng 4/2023 đến nay.

Ý kiến của ông Dương Văn T và bà Hứa Thị T (là bố mẹ đẻ của anh Dương Văn H) ngày 03/6/2024 và biên bản làm việc ngày 07/6/2024. Ông bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh Dương Văn H và chị Ngô Thị T không

thể hàn gắn được. Anh Dương Văn H và chị Ngô Thị T có 03 con chung hiện đang sống ở H, Bắc Giang. Ông bà đã cho anh Dương Văn H đất để ở (thửa số 122, tờ bản đồ 38) trên đất có nhà cấp 4 và hỗ trợ anh Dương Văn H chăm sóc các con, hiện chị Ngô Thị T không có nhà, phải ở nhờ bên ngoại.

Tại Công văn số 298/CV-BTV ngày 26/6/2024 của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện L đề Tòa án tham khảo có nội dung trả lời như sau: Theo Hội liên hiệp phụ nữ huyện L thì nên giao các con là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013, cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 7/03/2017 cho chị Ngô Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “...*nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Mặt khác cháu Dương Yến N và cháu Dương Thị Mỹ C là bé gái sống với mẹ để chia sẻ, chăm sóc gần gũi cho quá trình phát triển tâm sinh lý trong suốt quá trình trưởng thành.

Đối với cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 tính đến ngày 26/6/2024 được 03 tuổi, 08 tháng 13 ngày. Cháu còn nhỏ, lại đang sống cùng chị T, được chăm sóc đầy đủ, có chỗ ở tương đối ổn định; mẹ chị T hỗ trợ chăm sóc các cháu ở nhà. Như vậy để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con; cháu cũng đang sống cùng 02 chị gái là Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con; mặt khác các cháu N và C trình bày là anh H say rượu, hay đánh chị T làm các cháu sợ không muốn sống cùng anh H. Do vậy cần giao cháu Dương Minh T cho chị Ngô Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn:

Về tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng; thực hiện đúng việc thu thập tài liệu chứng cứ, việc tổng đạt văn bản tố tụng được thực hiện hợp lệ, trình tự thụ lý, thời hạn chuẩn bị xét xử và nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử theo Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 93 đến Điều 97, Điều 175, Điều 177, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ về thủ tục chuẩn bị khai mạc phiên tòa, ghi chép diễn biến phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 51, Điều 237 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 75, Điều 76 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H được tự do tìm hiểu và gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/4/2013. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H đã ly thân, không ai quan tâm đến ai, nay chị Ngô Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Dương Văn H. Anh Dương Văn H cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị T, do đó căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H.

Về con chung: Tại phiên tòa chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H thống nhất chị Ngô Thị T là người trực tiếp được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013 và cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017; anh Dương Văn H là người trực tiếp được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do vậy đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H. Do chị Ngô Thị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 nên buộc chị Ngô Thị T phải có nghĩa vụ giao cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 cho anh Dương Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo quy định. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về nợ chung: Xác định ngày 25/9/2020 hộ gia đình anh Dương Văn H được Phòng giao dịch NHCSXH huyện duyệt cho vay số tiền 20.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch và công trình vệ sinh chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với lãi suất trong hạn là 9%/năm (lãi suất quá hạn là 11,7%/năm), hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/9/2025. Đến ngày 14/3/2021 hộ gia đình anh Dương Văn H tiếp tục được Phòng giao dịch NHCSXH huyện duyệt cho vay số tiền 100.000.000 đồng để trồng 04 ha rừng thông chương trình cho vay hộ nghèo với lãi suất trong hạn là 6,6%/năm (lãi suất quá hạn là 8,58%/năm), hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/3/2031. Tính đến ngày 26/6/2024 hai món vay nêu trên đang đứng tên người vay vốn là anh Dương Văn H với dư nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng chẵn), tuy nhiên chị Ngô Thị T không yêu cầu giải quyết, anh Dương Văn H có ý kiến nếu Ngân hàng Chính sách có yêu cầu thì đề nghị mỗi người trả 1/2 nhưng không thực hiện thủ tục làm đơn yêu cầu thanh toán nợ chung và Ngân hàng Chính sách xã hội không yêu cầu giải quyết, không có yêu cầu độc lập về trách nhiệm thanh toán nợ chung. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp chị Ngô Thị T, anh Dương Văn H và Ngân hàng Chính sách xã hội có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Nguyên đơn chị Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn triệu tập họp lệ đến phiên toà nhưng không có mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn có ý kiến trình bày về nợ chung nếu Ngân hàng chính sách xã hội có yêu cầu thì đề nghị mỗi người có trách nhiệm trả một nửa, tuy nhiên bị đơn không thực hiện thủ tục làm đơn yêu cầu thanh toán nợ chung để Tòa án thụ lý theo quy định, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội không có yêu cầu độc lập về việc thanh toán nợ chung vì vậy xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Dương Văn H, cư trú tại Thôn P, xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, ngày 15/4/2013, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn quan tâm, yêu thương nhau và đã sống ly thân. Chị Ngô Thị T xin ly hôn anh Dương Văn H cũng nhất trí. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H đã không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trở lên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Một gia đình không có sự yêu thương, tôn trọng, sự thấu hiểu và cảm thông giữa vợ và chồng khó có thể là một gia đình hạnh phúc, yên ấm. Tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H đều nhất trí thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với đạo đức xã hội nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H.

[4] Về con chung: Chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H có 03 con chung là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017; cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020, hiện đang ở với chị Ngô Thị T. Tại phiên tòa, chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H tự nguyện thỏa thuận được về con chung như sau: Chị Ngô Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi và anh Dương Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét về điều kiện để trực

tiếp nuôi con, Hội đồng xét xử thấy: Về mức thu nhập: Theo lời khai và chứng cứ đương sự cung cấp, hiện nay chị Ngô Thị T đang làm công ty thu thập khoảng 12.000.000 đồng/tháng, ngoài ra bố mẹ đẻ của chị hỗ trợ chị nuôi dưỡng các con có chỗ ở ổn định và những lúc chị bận công việc, hơn nữa các cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 đã đủ 07 tuổi đều có nguyện vọng chung sống với mẹ là chị Ngô Thị T. Anh Dương Văn H làm nhựa và gỗ thông thu nhập không ổn định nhưng anh có bố mẹ đẻ hỗ trợ chỗ ở ổn định và hỗ trợ nuôi con. Qua xem xét các điều kiện về kinh tế, điều kiện công việc, điều kiện sinh hoạt và các điều kiện khác nhằm đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của các con chung. Việc thỏa thuận của các đương sự là phù hợp vì vậy Hội đồng xét xử ghi nhận việc thỏa thuận giữa các đương sự về việc chị Ngô Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 cho cho đến khi đủ 18 tuổi và anh Dương Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi; chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Do chị Ngô Thị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 nên chị Ngô Thị T phải có nghĩa vụ giao cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 cho anh Dương Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo quy định.

[5] Về tài sản chung : Chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Xác định ngày 25/9/2020 hộ gia đình anh Dương Văn H được Phòng giao dịch NHCSXH huyện duyệt cho vay số tiền 20.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch và công trình vệ sinh chương trình cho vay nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn với lãi suất trong hạn là 9%/năm (lãi suất quá hạn là 11,7%/năm), hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/9/2025. Đến ngày 14/3/2021 hộ gia đình anh Dương Văn H tiếp tục được Phòng giao dịch NHCSXH huyện duyệt cho vay số tiền 100.000.000 đồng để trồng 04 ha rừng thông chương trình cho vay hộ nghèo với lãi suất trong hạn là 6,6%/năm (lãi suất quá hạn là 8,58%/năm), hạn trả nợ cuối cùng ngày 14/3/2031. Tính đến ngày 26/6/2024 hai món vay nêu trên đang đứng tên người vay vốn là anh Dương Văn H với dư nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng chẵn). Tuy nhiên chị Ngô Thị T không yêu cầu giải quyết, anh Dương Văn H có ý kiến nếu Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu thì đề nghị mỗi người trả $\frac{1}{2}$ nợ chung nhưng không thực hiện thủ tục làm đơn yêu cầu thanh toán nợ chung và Ngân hàng Chính sách xã hội cũng có bản khai đối với ý kiến của anh Dương Văn H nhưng không yêu cầu giải quyết, không thực hiện làm đơn yêu cầu độc lập. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Trường hợp chị Ngô Thị T, anh Dương Văn H và Ngân hàng Chính sách xã hội có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét thấy Luận cứ của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn phần nào có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì được chấp nhận, phần nào không có căn cứ và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử thì không được chấp nhận

[9] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Căn cứ vào khoản 8 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01, đăng ký ngày 15/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Ngô Thị T và anh Dương Văn H như sau:

Chị Ngô Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Dương Yến N, sinh ngày 27/9/2013; cháu Dương Thị Mỹ C, sinh ngày 07/3/2017 cho cho đến khi đủ 18 tuổi.

Anh Dương Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Chưa bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào do các bên chưa yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Do chị Ngô Thị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 nên chị Ngô Thị T phải có

nghĩa vụ giao cháu Dương Minh T, sinh ngày 13/10/2020 cho anh Dương Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo quy định.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Ngô Thị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị Ngô Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002314 ngày 10/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận nguyên đơn chị Ngô Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã X, huyện Lộc Bình;
- Các đương sự;
- Người BVQLI HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai